

## BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

# SikaCeram®-255 Big Slab

GỐC XI MĂNG, CÓ KHẢ NĂNG BIẾN DẠNG, ĐẠT CHUẨN C2TES1

### MÔ TẢ

SikaCeram®-255 Big Slab là keo dán gạch gốc xi măng đóng gói sẵn, được cải tiến và có khả năng biến dạng. Thích hợp cho việc ốp lát gạch khổ lớn cho cả sàn và tường, khu vực trong nhà và ngoài trời cho các loại công trình dân dụng và thương mại, khu vực ban công và sân thượng. Đạt chuẩn C2TES1 theo tiêu chuẩn EN 12004.

### ỨNG DỤNG

SikaCeram®-255 Big Slab thích hợp cho việc ốp lát các loại gạch dưới đây:

- Tất cả các loại gạch granite
- Kích thước lớn và dạng tấm mỏng

SikaCeram®-255 Big Slab có thể được sử dụng trong nhà, ngoài trời, hồ bơi, trên sàn và tường trên các bề mặt nền sau đây:

- Vữa trát, bê tông
- Gạch men hiện hữu, đá

SikaCeram®-255 Big Slab phù hợp cho các ứng dụng hiệu suất cao và đòi hỏi khắt khe, chẳng hạn như:

- Sàn công nghiệp và sàn chịu tải trọng lớn
- Ban công và sân thượng

SikaCeram®-255 Big Slab có thể sử dụng cho ốp lát gạch nhỏ trên tấm cemboard cho khu vực nội thất (liên hệ bộ phận kỹ thuật của Sika để biết thêm chi tiết).

### ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Khả năng biến dạng
- Giảm thiểu sự trượt theo phương thẳng đứng
- Thời gian chờ thi công kéo dài
- Thi công dễ dàng

### SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

Keo dán gạch gốc xi măng biến dạng cải tiến, giảm thiểu trơn trượt và kéo dài thời gian thi công, được phân loại C2TES1 theo tiêu chuẩn TCVN 7899-1:2008

### THÔNG TIN SẢN PHẨM

|                      |                                                                                                                     |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đóng gói             | 25 kg / bao                                                                                                         |
| Ngoại quan / Màu sắc | Dạng bột, màu xám                                                                                                   |
| Hạn sử dụng          | 9 tháng từ ngày sản xuất                                                                                            |
| Điều kiện lưu trữ    | Nếu được bảo quản đúng cách trong bao bì kín nguyên bản, chưa mở và không bị hư hại, ở điều kiện khô ráo và mát mẻ. |

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                             |                                             |                           |                    |
|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| Cường độ bám dính           | Ban đầu                                     | $\geq 1.0 \text{ N/mm}^2$ | (TCVN 7899-2:2008) |
|                             | Ngâm nước                                   | $\geq 1.0 \text{ N/mm}^2$ |                    |
|                             | Lão hóa nhiệt                               | $\geq 1.0 \text{ N/mm}^2$ |                    |
| Khả năng kháng trượt        | $\leq 0.5 \text{ mm (T)}$                   |                           | (TCVN 7899-2:2008) |
| Biến dạng theo phương ngang | $\geq 2.5 \text{ mm, } < 5 \text{ mm (S1)}$ |                           | (TCVN 7899-2:2008) |

## THÔNG TIN THI CÔNG

|                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|--------------|--------------|--------------------|---------------|-------------|-----------|------------------------|------------|----------|
| Tỷ lệ trộn                   | Nước : SikaCeram®-255 Big Slab ± 7.75 L : 25 kg (theo khối lượng)<br>(Theo yêu cầu về tính ổn định)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Định mức                     | <p>Lượng keo tiêu thụ luôn phụ thuộc vào hình dạng và độ nhám bề mặt nền, kích thước gạch và các khe hở giữa chúng, cũng như kỹ thuật thi công (lớp keo trên nền, hoặc với lớp keo mỏng bổ sung trên mặt sau gạch). Để tham khảo:</p> <table><tr><td>Kích cỡ gạch</td><td>Bay răng cưa</td><td>Định mức ước lượng</td></tr><tr><td>Gạch khổ lớn*</td><td>10 mm vuông</td><td>~10 kg/m²</td></tr><tr><td>Gạch &lt; 60 cm x 60 cm**</td><td>8 mm vuông</td><td>~5 kg/m²</td></tr></table> <p>Lưu ý :<br/>* Phương pháp: cần thi công thêm một lớp keo mỏng phía sau lưng gạch.<br/>** Phương pháp: không cần thi công thêm một lớp keo mỏng phía sau lưng gạch.</p> |                    |  | Kích cỡ gạch | Bay răng cưa | Định mức ước lượng | Gạch khổ lớn* | 10 mm vuông | ~10 kg/m² | Gạch < 60 cm x 60 cm** | 8 mm vuông | ~5 kg/m² |
| Kích cỡ gạch                 | Bay răng cưa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Định mức ước lượng |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Gạch khổ lớn*                | 10 mm vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ~10 kg/m²          |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Gạch < 60 cm x 60 cm**       | 8 mm vuông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ~5 kg/m²           |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Chiều dày lớp                | ± 6 mm (Keo dán gạch khổ lớn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Nhiệt độ môi trường          | +5 °C min. / +35 °C max.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Nhiệt độ bề mặt              | +5 °C min. / +35 °C max.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Thời gian phát triển         | ~3 phút                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Thời gian thi công           | ~1 giờ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Thời gian mở                 | ≥ 1 N/mm² sau 30 phút (điều kiện bình thường, trong nhà) (TCVN 7899-2:2008)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Thời gian bảo dưỡng          | 24–36 giờ<br><b>Xử lý bảo dưỡng</b><br>Bảo vệ khỏi các điều kiện thời tiết bất lợi, chẳng hạn như nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp (đóng băng), mưa, ánh nắng mặt trời trực tiếp, trong ít nhất 12–24 giờ sau khi thi công.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Sản phẩm hoàn thiện          | Sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thời gian chờ      |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
|                              | Ốp lát trên sàn / Có thể đi lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 24–36 hours        |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
|                              | Ốp lát trên tường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4–6 hours          |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
|                              | Lưu thông bình thường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | ~14 days           |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
|                              | Đổ đầy nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ~21 days           |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
|                              | Giá trị được xác định trong điều kiện phòng thí nghiệm: +23 °C ± 2 °C, R.H. 50 % ± 5 %.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Thời gian điều chỉnh         | ~30 phút (điều kiện bình thường, trong nhà)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |
| Khối lượng thể tích vữa tươi | ~1.6 kg/l                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |  |              |              |                    |               |             |           |                        |            |          |

# THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

## ỨNG DỤNG

- Nếu cần lớp chống thấm dưới gạch, thì các hệ thống gốc xi măng và gốc acrylic phù hợp để sử dụng dưới SikaCeram®-255 Big Slab. Vui lòng tham khảo các Tài liệu Kỹ thuật Sản phẩm Sika tương ứng để biết thêm thông tin.
- Đối với bất kỳ loại gạch đá tự nhiên nào, trước tiên hãy luôn thực hiện một thử nghiệm ứng dụng nhỏ. SikaCeram®-255 Big Slab không được sử dụng trong các trường hợp sau:
  - Trên bề mặt kim loại hoặc gỗ.
  - Trên gạch ceramic hiện hữu ở ngoài trời.
  - Cho bất kỳ tình huống hoặc ứng dụng nào không được mô tả rõ ràng trong Tài liệu Kỹ thuật Sản phẩm này.

## SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Để biết thông tin và được tư vấn về an toàn sử dụng, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm thuộc nhóm hóa chất, người sử dụng nên tham khảo Tài liệu An Toàn Sản Phẩm mới nhất (sẵn sàng khi có yêu cầu) về lý tính, sinh thái, tính độc hại và tài liệu an toàn liên quan khác.

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG

### CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT / XỬ LÝ SƠ BỘ

- Nhiệt độ cao hơn/ môi trường bên ngoài sẽ làm giảm thời gian thi công, thời gian chờ và thời gian sử dụng của sản phẩm.
- Nền phải ở trạng thái được bảo dưỡng đúng cách, kết cấu vững chắc, không có các hạt rời hoặc vụn, sạch, khô và không có bất kỳ chất gây ô nhiễm nào như bụi bẩn, dầu mỡ, vữa xi măng dư thừa hoặc muối khoáng.
- Tùy thuộc vào tình trạng bề mặt và các chất gây ô nhiễm cần được loại bỏ khỏi bề mặt, hãy thực hiện các kỹ thuật chuẩn bị thích hợp, chẳng hạn như rửa bằng tia nước hoặc phun cát, để loại bỏ tất cả dấu vết của bất kỳ vật liệu nào có thể làm giảm độ bám dính của sản phẩm với bề mặt.
- Bất kỳ khuyết tật nhỏ nào trên bề mặt và sự biến động về độ phẳng, mặt cắt, hoặc xung quanh cốt liệu lộ ra, đều có thể được trám vá và san phẳng bằng một lớp SikaCeram®-255 Big Slab bổ sung, với độ dày tối đa 15 mm, được thi công ít nhất 24 giờ trước khi lát gạch ceramic. Đối với các khu vực lớn hơn và dày hơn cần tái tạo bề mặt và xử lý, nên sử dụng các loại vữa thích hợp từ dòng sản phẩm Sika MonoTop® hoặc Sikafloor® Level. Các vết nứt trên nền cần được xác định và trám kín đúng cách, ví dụ: bằng nhựa epoxy Sikadur.
- Khi lát gạch trên các bề mặt không thấm hút hoặc bề mặt có độ thấm hút hạn chế, chẳng hạn như gạch

men hiện hữu, bề mặt sơn, v.v., hãy kiểm tra để xác nhận rằng các bề mặt này đều được liên kết chắc chắn và an toàn, đồng thời ổn định, sau đó sử dụng các sản phẩm tẩy dầu/ cặn phù hợp để làm sạch hoàn toàn bề mặt. Sử dụng lớp lót nếu cần thiết.

- Khi thi công trong môi trường/ khí hậu nóng và/ hoặc trên nền hút ẩm, cần làm ẩm kỹ bề mặt ngay trước khi thi công sản phẩm, nhưng tránh để nước đọng trên bề mặt. Bề mặt không được ẩm khi chạm vào và không có màu tối mờ/ vệt ngoài ướt, tức là phải đạt trạng thái bão hòa bề mặt khô.
- Đối với việc ốp lát gạch trong các phòng thường xuyên ẩm ướt hoặc ướt, thì nên thi công một sản phẩm/ hệ thống chống thấm phù hợp trước khi ốp lát gạch.

### TRỘN

Đổ lượng nước được khuyến nghị vào một thùng trộn sạch và phù hợp. Trong khi khuấy chậm, từ từ thêm bột SikaCeram®-255 Big Slab vào nước, sau đó trộn kỹ bằng máy trộn điện tốc độ thấp (~300-600 vòng/ phút) cho đến khi đạt được hỗn hợp hoàn toàn đồng nhất và không vón cục.

Sau khi trộn, để vật liệu nghỉ và "ủ" trong vài phút, sau đó khuấy lại nhanh ngay trước khi thi công. Hỗn hợp thu được có độ đặc rất mịn như kem và dễ dàng thi công và trải đều.

### THI CÔNG

- SikaCeram®-255 Big Slab được thi công bằng bay răng cưa.
- Phải thi công đủ sản phẩm để đảm bảo mặt sau gạch có lớp keo mỏng, ướt hoàn toàn.
- Việc ốp lát phải được thực hiện trên lớp keo mới thi công, tạo đủ áp lực để đảm bảo tiếp xúc hoàn toàn và đồng đều với keo, do đó đạt được độ bám dính tối ưu. Nếu thấy màng hình thành trên bề mặt, nghĩa là keo đã để quá lâu; nếu điều này xảy ra, hãy ngay lập tức loại bỏ lớp keo bằng bay, vứt bỏ vật liệu này và thi công một lớp keo SikaCeram®-255 Big Slab mới.
- Tránh thi công dưới ánh nắng trực tiếp và/ hoặc gió mạnh/ luồng gió.
- SikaCeram®-255 Big Slab thích hợp để lát gạch hút ẩm và không hút ẩm trong nhà mà không giới hạn kích thước. Sử dụng vật chống đỡ nếu cần thiết.
- Để lát bất kỳ loại gạch nào lớn hơn 1500 cm<sup>2</sup> (ví dụ: 50 x 50 cm), luôn thi công thêm lớp keo mỏng phía sau lưng gạch.

### VỀ SINH DỤNG CỤ

Làm sạch kỹ tất cả dụng cụ và thiết bị bằng nước sạch trước khi sản phẩm đông cứng, tốt nhất là ngay sau khi sử dụng. Sau khi sản phẩm đã cứng lại, chỉ có thể loại bỏ bằng phương pháp cơ học.

## GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

Bản chỉ tiết sản phẩm

SikaCeram®-255 Big Slab

Tháng Sáu 2026, Hiệu đính lần 03.02

02171010200000875

## LƯU Ý PHÁP LÝ

Thông tin, và đặc biệt là các khuyến nghị liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được đưa ra một cách thiện chí dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về các sản phẩm khi được lưu trữ đúng cách, được xử lý và áp dụng trong điều kiện bình thường theo khuyến nghị của Sika. Trong thực tế, sự khác biệt về vật liệu, bề mặt nền và điều kiện địa điểm thực tế dẫn đến việc không có bảo đảm nào về khả năng bán được hoặc sự phù hợp cho một mục đích cụ thể cũng như bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ bất kỳ mối quan hệ pháp lý nào, có thể được suy ra từ thông tin này, hoặc từ bất kỳ khuyến nghị bằng văn bản nào hoặc từ bất kỳ lời khuyên nào khác được đưa ra. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng và mục đích dự định hay không. Sika có quyền thay đổi các đặc tính của sản phẩm của mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được được tôn trọng. Tất cả các đơn đặt hàng được chấp nhận theo các điều khoản bán hàng và giao hàng hiện tại của chúng tôi. Người dùng cần tham khảo phiên bản mới nhất của Tài liệu Sản phẩm địa phương dành cho sản phẩm liên quan. Các Tài liệu Sản phẩm này có sẵn trên trang web của chúng tôi. Thông tin trong bất kỳ phiên bản nào người dùng đã tải xuống chỉ có giá trị tại thời điểm tải.

### Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Tel: (84-251) 3560 700  
Fax: (84-251) 3560 699  
sikavietnam@vn.sika.com  
vnm.sika.com



### Bản chi tiết sản phẩm

SikaCeram®-255 Big Slab  
Tháng Sáu 2026, Hiệu đính lần 03.02  
021710102000000875

SikaCeram-255BigSlab-vi-VN-(06-2026)-3-2.pdf